

CHÍNH TRỊ – KINH TẾ – XÃ HỘI

NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG TRUNG QUỐC SAU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

HÀ PHƯƠNG

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

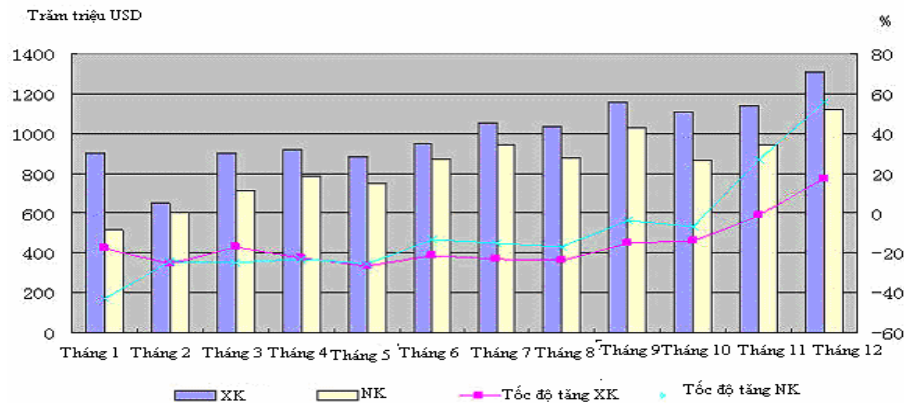
I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NGOẠI THƯƠNG TRUNG QUỐC SAU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

1. Thành tựu

Cũng như các nền kinh tế khác trên thế giới, nền kinh tế bùng nổ của Trung Quốc (Trung Quốc) cũng không thể miễn dịch với khủng hoảng. Lĩnh vực chịu nhiều tác động nhất là ngoại thương, đặc biệt là trong 2 năm 2008 và 2009. Khủng hoảng làm 3 nền kinh tế lớn, cũng là 3 đối tác thương mại chính của Trung Quốc là Mỹ, EU, Nhật đi vào suy thoái toàn diện. Nhu cầu bên ngoài giảm dẫn đến suy giảm xuất khẩu, một nhân tố quan trọng trong “cỗ xe tam mã” (xuất khẩu, tiêu dùng, đầu tư) lôi kéo tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc nói chung và ngoại thương Trung Quốc nói riêng. Tuy nhiên, sau nhiều quý giảm mạnh, đến quý IV năm 2009, có thể nói ngoại thương Trung Quốc đã khắc phục được khó khăn, nhấc chân ra khỏi khủng hoảng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

(XNK) của Trung Quốc đã có tăng trưởng dương, đạt 9,2% (Xem biểu đồ 1). Theo số liệu của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tỷ trọng của xuất khẩu Trung Quốc trong xuất khẩu thế giới tăng từ 8,9% năm 2008 lên 9,6% năm 2009, vượt qua Đức trở thành nước xuất khẩu đứng đầu thế giới trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu⁽¹⁾. Mức giảm xuất khẩu năm 2009 của Trung Quốc thấp hơn mức giảm xuất khẩu toàn cầu 7 điểm phần trăm, mức giảm nhập khẩu thấp hơn mức giảm nhập khẩu toàn cầu 13 điểm phần trăm⁽²⁾.

Năm 2010, ngoại thương của Trung Quốc đã khôi phục lại mức trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính quốc tế. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, năm 2010 tổng kim ngạch XNK của Trung Quốc đạt 2.927,76 tỷ USD, tăng 34,7% so với năm 2009, trong đó xuất khẩu là 1.577,9 tỷ USD, tăng 31,3%, nhập khẩu 1.394,8 tỷ USD, tăng 38,7%. Thặng dư thương mại đạt 183,1 tỷ USD, giảm 6,4%⁽³⁾.

Biểu đồ 1: TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG XNK NGOẠI THƯƠNG TRUNG QUỐC CÁC THÁNG NĂM 2009

Nguồn: <http://zhs.mofcom.gov.cn/aarticle/Nocategory/201004/20100406888239.html>

2. Những vấn đề tồn tại

Bên cạnh thành tựu đạt được, Trung Quốc cũng thấy được những lỗ hổng trong chính sách ngoại thương khi khủng hoảng xảy ra.

Thứ nhất là sự phát triển không hài hòa của “cỗ xe tam mã”. Trung Quốc chủ yếu dựa vào xuất khẩu và đầu tư để phát triển ngoại thương còn tiêu dùng chưa được chú trọng đúng mức. Ngay cả khi thu nhập tăng thì tiêu dùng cũng chưa tăng nhiều mà dự trữ lại tăng lên. Thị trường trong nước chưa được khai thác đúng mức.

Thứ hai là cán cân thương mại còn nghiêng lệch, xuất siêu nhiều, mức độ phụ thuộc bên ngoài còn cao, thị trường chưa đa dạng nên khi có khủng hoảng phải chịu ảnh hưởng lớn, vai trò của nhập khẩu chưa cao.

Thứ ba là cơ cấu sản phẩm xuất khẩu chưa hợp lý, sản xuất các mặt hàng có giá trị thấp, tập trung nhiều lao động sẽ bị thua thiệt. Số lượng vẫn được coi trọng hơn chất lượng

Thứ tư là việc Trung Quốc là “công xưởng của thế giới” không còn phù hợp sau khủng hoảng.

Bên cạnh đó, các yếu tố khác từ cả bên ngoài và trong nước tác động như khủng hoảng nợ công châu Âu, động đất ở Nhật Bản, biến động chính trị ở Bắc Phi Trung Đông, tỷ giá nhân dân tệ tăng... cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng ngoại thương. Do đó, Trung Quốc cần điều chỉnh kết cấu ngoại thương, thay đổi mô hình phát triển cho phù hợp với tình hình mới.

II. NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG SAU KHỦNG HOẢNG.

Có thể thấy, sau khủng hoảng, tình hình vẫn rất phức tạp, tốt xấu đan xen, nhiều nhân tố bất lợi còn tiềm ẩn. Khủng hoảng vừa là thách thức nhưng cũng chứa đựng nhiều cơ hội. Mỗi cuộc khủng hoảng đều như một bộ lọc khổng lồ, gạn đi những gì không hợp lý, chôn vùi những gì không hiệu quả⁽⁴⁾. Không có khủng hoảng có lẽ Trung Quốc phải mất 3-5 năm nữa mới vượt

Nhật, các hoạt động như cải cách tài chính... có lẽ cũng phải lùi lại 5-10 năm nữa ⁽⁵⁾.

Trung Quốc đã được đánh giá cao trong việc ứng phó với khủng hoảng mà ngoại thương là một lĩnh vực không thể không nói đến. Có được điều đó là nhờ những chính sách đúng đắn, kịp thời đã được Trung Quốc đưa ra để giải quyết những vấn đề còn tồn tại cản trở sự phát triển của ngoại thương.. Việc chuyển đổi mô hình phát triển ngoại thương sau khủng hoảng được đặc biệt chú trọng.

1. Mở rộng quan hệ kinh tế thương mại đa phương

Năm 2010, Liên minh châu Âu, Mỹ, Nhật vẫn là 3 đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc. Nhờ ảnh hưởng tích cực của việc Khu vực Mậu dịch Tự do Trung Quốc - ASEAN chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01-01-2010 nên kim ngạch 2 chiều giữa Trung Quốc và ASEAN phát triển với tốc độ nhanh, tháng 1, ASEAN đã vượt qua Nhật Bản trở thành

đối tác thương mại lớn thứ ba của Trung Quốc. Quan hệ của Trung Quốc với các thị trường đang nổi (ASEAN, Nam Phi, Nga và Brazil) phát triển với tốc độ nhanh chóng, việc đa dạng hóa thị trường trở nên rõ nét hơn. Trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang các nền kinh tế mới nổi có xu hướng tăng thì xuất khẩu vào các thị trường Mỹ, Nhật giảm. Điều này cho thấy, Trung Quốc không chỉ đa dạng hóa thị trường xuất khẩu mà còn giảm phụ thuộc vào các thị trường phát triển⁽⁶⁾. Các thị trường với các lĩnh vực và không gian mới được hướng tới nhiều hơn, quan hệ kinh tế thương mại đa phương được mở rộng. Năm 2010, Trung Quốc đã là đối tác thương mại lớn nhất và là nơi xuất khẩu lớn nhất của các quốc gia và khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, Australia, Nam Phi, là đối tác thương mại lớn nhất và là điểm xuất khẩu lớn thứ hai của Liên minh châu Âu, là đối tác thương mại lớn thứ hai và là nơi xuất khẩu lớn thứ 3 của Mỹ⁽⁷⁾.

Bảng 1 : KIM NGẠCH VÀ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC VỚI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHỦ YẾU NĂM 2010

Đơn vị: 100 triệu USD

Quốc gia và khu vực	Kim ngạch 1 xuất khẩu	Tăng trưởng so với năm trước (%)	Kim ngạch nhập khẩu	Tăng trưởng so với năm trước (%)
EU	3112	31.8	1685	31.9
Mỹ	2833	28.3	1020	31.7
Hồng Kông	2183	31.3	123	40.9
ASEAN	1382	30.1	1546	44.8
Nhật Bản	1211	23.7	1767	35.0
Hàn Quốc	688	28.1	1384	35.0
Ấn Độ	409	38.0	208	51.8
Đài Loan	297	44.8	1157	35.0
Nga	296	69.0	258	21.7

Nguồn: Cục Thống kê Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ngày 28 tháng 2 năm 2011

2. Chính sách mở rộng nhập khẩu

Trung Quốc rất coi trọng việc điều chỉnh cán cân ngoại thương. Nếu năm 2008, chính sách ngoại thương là khuyến khích và hỗ trợ xuất khẩu, năm 2009 là cùng lúc với chú trọng xuất khẩu còn cần chú ý điều chỉnh kết cấu và cán cân ngoại thương, mở rộng nhiều con đường phát triển thị trường và sức cạnh tranh của hàng hóa thì năm 2010, 2011 Bộ Ngoại thương nhiều lần nêu rõ, bên cạnh việc thúc đẩy xuất khẩu tăng trưởng ổn định, điểm căn bản là thúc đẩy nhập khẩu, tạo ra thị trường rộng lớn cho thế giới, điều chỉnh kết cấu kinh tế từ phụ thuộc vào nhu cầu bên ngoài sang dựa vào nhu cầu trong nước. Các biện pháp xúc tiến nhập khẩu được đưa ra như: tổ chức triển lãm giới thiệu hàng nhập khẩu, áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi bằng 0% cho một số nước và khu vực kém phát triển. Năm 2010, tổng mức thuế nhập khẩu của Trung Quốc đã giảm còn 9,8%, thấp hơn nhiều so với mức thuế bình quân 46,6% của các nước đang phát triển⁽⁸⁾. Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu lớn thứ hai thế giới⁽⁹⁾. Tháng 7 năm 2011, Trung Quốc đã điều chỉnh thuế nhập khẩu của 33 mặt hàng trong đó có dầu thành phẩm và một số kim loại màu. Quý 3, tổng nhập khẩu của các mặt hàng trên là 598 triệu USD, tăng 76,9% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu của nước này tăng hơn 30% trong tháng 8, đạt gần 156 tỷ USD. Đây là con số kỷ lục

được ghi nhận trong lịch sử thương mại Trung Quốc⁽¹⁰⁾.

Vai trò của nhập khẩu được nâng cao, kết cấu nhập khẩu được ưu hóa. Trung Quốc tích cực nhập khẩu tài nguyên, nguyên vật liệu quan trọng, các kỹ thuật tiên tiến và các thiết bị then chốt, xử lý thỏa đáng các tranh chấp thương mại từ đó dẫn dắt các doanh nghiệp mở rộng nhập khẩu, cải thiện từng bước sự mất cân bằng trong cán cân ngoại thương. Đồng thời, Trung Quốc cũng áp dụng chính sách mở rộng tiêu dùng trong nước như đưa đồ điện gia dụng về nông thôn và trợ cấp cho nông dân, chính sách “lấy cũ đổi mới” với ô tô, xe máy... như một biện pháp kích cầu để ứng phó với khủng hoảng.

3. Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và phương thức thương mại

Trung Quốc thực hiện đa dạng hóa kết cấu sản phẩm, kiểm soát nghiêm ngặt việc xuất khẩu các sản phẩm ô nhiễm cao, tiêu thụ nhiều năng lượng, tài nguyên nhằm phát triển ngoại thương theo hướng hài hòa, bền vững. Thực hiện điều chỉnh từ chú trọng số lượng, mở rộng quy mô sang nâng cao hiệu quả chất lượng theo chiến lược “dùng khoa học kỹ thuật để chấn hưng thương mại”. Từ sản xuất các sản phẩm tập trung nhiều lao động, giá trị và hàm lượng kỹ thuật thấp sang khuyến khích các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và giá trị cao. Chuyển việc cạnh tranh dựa vào ưu thế giá thành sang cạnh tranh

tổng hợp (lấy kỹ thuật, thương hiệu, chất lượng dịch vụ làm hạt nhân cạnh tranh). Đẩy mạnh thương mại dịch vụ, xuất khẩu các dịch vụ mới như văn hóa, phần mềm..., lấy thương mại dịch vụ làm sân chơi mới để tham gia vào cạnh tranh và hợp tác quốc tế, thực hiện hỗ trợ, lôi kéo lẫn nhau giữa thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ.

4. Chính sách tỷ giá

Trung Quốc thực hiện nâng giá đồng Nhân dân tệ theo lộ trình từng bước. Việc cải cách tỷ giá hối đoái lần thứ 2 vào tháng 6 năm 2010 đã thúc đẩy nâng cấp cơ cấu ngành nghề, doanh nghiệp tích cực tiến hành sáng tạo kỹ thuật, tăng giá trị của hàng hóa xuất khẩu, tỷ lệ sản phẩm kỹ thuật cao ngày càng tăng, điều này làm cho lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên, có ý nghĩa đối với sự phát triển lành mạnh của kinh tế Trung Quốc⁽¹¹⁾, góp phần đưa NDT thành một ngoại tệ mạnh trong nền kinh tế thế giới và hệ thống tiền tệ quốc tế. Trong quan hệ biên mậu với các nước như Việt Nam, Lào, Mông Cổ, Nga..., Trung Quốc đã mạnh dạn yêu cầu các nước thanh toán bằng đồng NDT để tạo bước đi trung gian phục vụ cho việc đưa đồng NDT trở thành ngoại tệ tự do chuyển đổi. Đồng NDT tăng giá cũng giúp các doanh nghiệp đi ra ngoài triển khai kinh doanh quốc tế hóa giống như Đức và Nhật đã tận dụng sự tăng giá của đồng bản địa và hàng hóa nước ngoài giá rẻ để tích

cực mở rộng quy mô đầu tư, chuyển từ xuất khẩu thông thường sang kết hợp xuất khẩu và sản xuất tại nước ngoài.

5. Chiến lược “đi ra ngoài”

Trải qua khủng hoảng, các doanh nghiệp XNK của Trung Quốc đã có nhiều trải nghiệm, phải đối mặt với những thay đổi như: đồng nhân dân tệ tăng giá, mức hoàn thuế xuất khẩu giảm, chính sách thương mại gia công thu hẹp, giá nhân công tăng, nhu cầu bên ngoài giảm....giúp cho khả năng ứng phó với sự thay đổi môi trường phức tạp không ngừng tăng, sức cạnh tranh được nâng cao rõ rệt. Chiến lược “đi ra ngoài” đã góp phần giúp ngoại thương Trung Quốc phục hồi trở lại. Trung Quốc đã tăng mức hỗ trợ cho chính sách “đi ra ngoài” của doanh nghiệp, ký các hiệp định bảo hộ đầu tư, hiệp định hợp tác về hạ tầng cơ sở và nhân lực, hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai sáp nhập xuyên quốc gia, các dự án lớn tăng rõ rệt. Một loạt doanh nghiệp ưu thế lần lượt đi ra ngoài, tích cực triển khai đầu tư đối ngoại, khoán công trình, hợp tác về nhân lực, khả năng tận dụng hai thị trường, hai tài nguyên tăng, phát triển kinh tế, tạo việc làm, lôi kéo xuất khẩu sản phẩm trong nước. Sau khủng hoảng, chính sách thu hút đầu tư ở một số nước và khu vực được mở rộng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Trung Quốc “đi ra ngoài”, tham gia vào tiến trình nhất thể hóa kinh tế toàn cầu, cùng thúc đẩy sự phục hồi và

phần vinh của kinh tế thế giới. Chiến lược “thu hút vào” cũng được điều chỉnh, phương thức thu hút đầu tư thay đổi, từ tập trung nhiều vào ngành chế tạo gia công sang kinh doanh dịch vụ và thiết kế nghiên cứu phát triển, thúc đẩy chuyển đổi nâng cấp ngành nghề⁽¹²⁾.

Nhờ những chính sách nêu trên, ngoại thương Trung Quốc đã vượt qua khủng hoảng, góp phần thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển. Cán cân thương mại đã cân bằng hơn. Tỷ lệ giữa thặng dư thương mại với tổng giá trị xuất nhập khẩu từ mức 11,6% năm 2008 giảm còn 6,2% năm 2010. Trong 3 quý đầu năm 2011, tổng kim ngạch XNK đạt 2677,44 tỷ USD, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng giảm 13,3 điểm phần trăm, trong đó nhập khẩu 1285,17 tỷ USD, tăng 26,7%, tốc độ tăng giảm 15,7 điểm phần trăm (giá nhập khẩu tăng 14,8%, số lượng nhập khẩu tăng 10,4%, đóng góp của giá cả và số lượng trong tốc độ tăng nhập khẩu lần lượt là 61% và 39%), xuất khẩu 1392,27 tỷ USD, tăng 22,7%, tốc độ tăng giảm 11,3 điểm phần trăm (giá xuất khẩu tăng 9,9%, số lượng xuất khẩu tăng 11,7%, đóng góp của giá cả và số lượng trong tốc độ tăng xuất khẩu lần lượt là 48,5% và 51,5%). Xuất siêu thương mại 107,1 tỷ USD, giảm 10,6%⁽¹³⁾.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ GỌI MỞ CHO VIỆT NAM.

Việt Nam dù không rơi vào tâm bão của khủng hoảng tài chính toàn cầu song do sự hội nhập ngày càng sâu rộng

của nền kinh tế Việt Nam vào thế giới nên cũng chịu những tác động nhất định. Các lĩnh vực chịu nhiều ảnh hưởng là xuất khẩu, đầu tư trực tiếp, thị trường chứng khoán, du lịch quốc tế ... Những sang chấn của cuộc khủng hoảng đã tác động đến lĩnh vực ngoại thương Việt Nam, nhu cầu đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp (vì hơn 50% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là sang thị trường Mỹ, EU và Nhật Bản, khủng hoảng đã khiến nhu cầu nhập khẩu và khả năng thanh toán tại các thị trường chủ lực giảm sút)⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng cũng tùy thuộc vào tính chất của từng mặt hàng: mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như dệt may, da giày, nhựa... ảnh hưởng nhiều hơn, mặt hàng tiêu dùng thiết yếu hàng ngày ảnh hưởng ít hơn⁽¹⁵⁾. Khi khủng hoảng mới xảy ra, giá hàng hóa trên phạm vi toàn cầu giảm khiến cho thuận lợi về giá xuất khẩu của ta trong năm 2008 cũng không còn trong năm 2009. Xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản, khoáng sản đều gặp khó khăn do giá giảm. Hơn nữa, số vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp tăng lên khi các nước nhập khẩu quan tâm hơn đến việc giành lại thị trường cho các doanh nghiệp trong nước trong thời kỳ khủng hoảng tài chính cộng với sức ép cạnh tranh từ nhiều nước khiến các doanh nghiệp xuất khẩu gặp khó khăn trong tìm kiếm khách hàng, hợp đồng⁽¹⁶⁾. Sản xuất bị thu hẹp, một bộ phận người lao động mất việc làm, thu nhập giảm dẫn đến giảm tiêu dùng.

Trung Quốc là láng giềng của Việt Nam, cũng là đối tác thương mại hết sức quan trọng của Việt Nam. Ngoại thương Trung Quốc đã chịu ảnh hưởng lớn từ khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng như một người thầy thuốc giỏi đã đoán đúng bệnh và kê đơn tốt nên ngoại thương Trung Quốc đã dần khôi phục và tăng trưởng trở lại, lôi kéo sự tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Từ những khó khăn của mình và những thành công của Trung Quốc, ngoại thương Việt Nam có thể học hỏi được những kinh nghiệm quý báu, tuy nhiên cần áp dụng một cách linh hoạt. Có thể đưa ra một số gợi ý mở như sau:

1. Chuyển đổi mô hình phát triển ngoại thương từ mở rộng quy mô sang nâng cao hiệu quả chất lượng. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao; tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần tỷ trọng hàng xuất khẩu thô, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu, tranh thủ thu hút vốn đầu tư do các dòng vốn trên thế giới tập trung vào những nơi có môi trường chính trị và kinh doanh ổn định như Việt Nam. Cần củng cố, nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả 3 phạm vi: quốc gia – doanh nghiệp – sản phẩm⁽¹⁷⁾.

2. Điều chỉnh kết cấu ngoại thương, cải thiện mất cân bằng xuất nhập khẩu, phát triển xuất khẩu, đẩy mạnh xuất

khẩu và phát triển các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu; giảm nhập siêu bằng cách giảm nhập khẩu những mặt hàng trong nước có thể đáp ứng được, khuyến khích ưu tiên dùng hàng trong nước đã sản xuất được với chất lượng đảm bảo, sau đó mới đến hàng nhập khẩu. Từ trước đến giờ, chúng ta đặt ưu tiên xuất khẩu (đến 60% GDP) và ta bị lệ thuộc vào nó. Nay thị trường xuất khẩu co lại thì chúng ta phải nghĩ đến việc phát triển thị trường nội địa⁽¹⁸⁾.

3. Điều chỉnh linh hoạt các chính sách thuế XNK và tiền tệ, tỷ giá, tạo thuận lợi hơn nữa về thủ tục hải quan theo hướng hỗ trợ tối đa cho sản xuất trong nước, thúc đẩy kinh doanh xuất khẩu. Các doanh nghiệp cần chú ý nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chủ động đánh giá tình hình diễn biến thị trường, kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị các biện pháp để tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất, xuất khẩu. Việt Nam cần tăng cường công tác dự báo thông tin về thị trường, mặt hàng, các điều kiện thương mại làm cơ sở cho việc chỉ đạo phát triển sản xuất, xuất khẩu⁽¹⁹⁾, đẩy mạnh cải cách hành chính trong hoạt động XNK sao cho gọn nhẹ, đơn giản, công khai, minh bạch.

4. Chọn lọc nhập khẩu. Tranh thủ nhập khẩu các mặt hàng, công nghệ hiện đại mà các nước phát triển phải bán đi do kinh tế đi xuống.

5. Đa dạng hóa mối quan hệ thương mại với nhiều nước, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống, đặc biệt là Trung Quốc (năm 2010, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc chiếm trên 90% tổng nhập siêu của Việt Nam), tăng cường các thị trường mới, chẳng hạn có thể mạnh dạn xuất khẩu sang các thị trường mới như các nước Đông Âu và Liên Xô cũ, tăng cường công tác xúc tiến thương mại với các thị trường này.

6. Phát huy những ưu thế về địa lý như có thể phát triển thương mại vận chuyển vì nước ta có bờ biển dài. Phát huy ưu thế về tính chất bổ sung trong cơ cấu hàng hóa với các nước, phát huy các lợi thế so sánh. Ngoài ra, có thể phát triển thương mại qua các loại hình khác như du lịch, vận tải quá cảnh, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tranh thủ thu hút vốn đầu tư do các dòng vốn trên thế giới tập trung vào những nơi có môi trường chính trị và kinh doanh ổn định như Việt Nam⁽²⁰⁾... Chúng ta là quốc gia có trên 80 triệu dân, đứng thứ 10 trên thế giới về dân số, có thể xem đó là ưu thế về nguồn nhân lực, về trí tuệ..., đặc biệt là cần quan tâm đến người Việt Nam ở nước ngoài vì yếu tố nhân sự là một trong những yếu tố quyết định cho việc thành bại. Bên cạnh đó, Việt Nam cần phải quan tâm đặc biệt đến vấn đề đào tạo và quản lý nhân sự⁽²¹⁾.

7. Phát triển dịch vụ văn hóa dân tộc: đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng như

lương thực, cà phê...; biết tạo thương hiệu và quảng bá cho sản phẩm của mình. Nên kết hợp các yếu tố chất lượng, văn hóa và con người để nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả 3 phạm vi: quốc gia – doanh nghiệp – sản phẩm⁽²²⁾.

8. Xử lý ổn thỏa những tranh chấp quốc tế. Trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ ngày càng tăng, tranh chấp thương mại ngày càng nhiều, cạnh tranh ngày càng gay gắt thì Việt Nam cũng cần chú trọng hơn đến việc xử lý những vụ kiện, những tranh chấp xảy ra trong thương mại. Cần hết sức cố gắng để không xảy ra tranh chấp do các nguyên nhân chủ quan, rút kinh nghiệm từ các vụ kiện như vụ kiện bán phá giá cá basa, cá tra... Ngoài ra nên chú ý các biện pháp để tránh bị lừa đảo khi làm ăn với các đối tác nước ngoài. Ví dụ khi ký hợp đồng với doanh nghiệp Trung Quốc, Việt Nam không nên chấp nhận mẫu hợp đồng mà doanh nghiệp Trung Quốc đưa sẵn vì các điều khoản chế tài thường có lợi cho họ. Cơ quan trọng tài cần ghi vào Hợp đồng là trọng tài kinh tế phía Việt Nam hoặc nước thứ ba vì việc xét xử tranh chấp thương mại theo cơ quan trọng tài tại Trung Quốc thường tốn kém, phức tạp về thủ tục và ngôn ngữ (nhiều doanh nghiệp nhỏ của Việt Nam đã phải bỏ cuộc khi theo đuổi các vụ kiện vì phí tổn cao khi cơ quan trọng tài ở Trung Quốc)⁽²³⁾.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Hoạt động xuất nhập khẩu của Trung Quốc phục hồi mạnh*. <http://www.bsc.com.vn/news/2010/10/9/115124.aspx>
- (2) *Tình hình phát triển ngoại thương Trung Quốc năm 2009*. <http://zhs.mofcom.gov.cn/aarticle/NoCategory/201004/20100406888239.html>
- (3) *Năm 2010, ngoại thương Trung Quốc đã khôi phục lại mức trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính quốc tế*, <http://www.ttnn.com.vn/Country/-1/News/29362/Default.aspx>
- (4) Vũ Khoan: *Khủng hoảng toàn cầu và ứng phó của VN* (22/4/2009) <http://vneconomy.vn/20090422061027979P0C5/khung-hoang-toan-cau-va-ung-pho-cua-viet-nam.htm>
- (5) *Khủng hoảng tài chính ảnh hưởng thế nào đến Trung Quốc* <http://www.sina.com.cn>
- (6) *Hoạt động XNK của Trung Quốc phục hồi mạnh*. <http://www.bsc.com.vn/News/2010/10/9/115124.aspx>
- (7) Tổng kim ngạch XNK toàn quốc tăng 34,7% so với cùng kỳ năm trước. <http://www.cnstock.com/index/gdgb/201101/1110811.htm>
- (8) *Năm 2010, ngoại thương Trung Quốc đã khôi phục lại mức trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính quốc tế* <http://ttnn.com.vn/nuoc-lanh-tho/52/kim-ngach-xuat-nhap-khau/29362/nam-2010-ngoai-thuong-trung-quoc-da-khoi-phuc-lai-muc-truoc-khi-xay-ra-khung-hoang-tai-chinh-quoc-te.aspx>
- (9) Điểm chính trong chính sách ngoại thương Trung Quốc năm 2010: xúc tiến nhập khẩu <http://edu.ebay.cn/tips/201009203692.html>
- (10) Nhật Minh: *Trung Quốc nhập khẩu kỷ lục*, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/quoc-te/2011/09/trung-quoc-nhap-khau-ky-luc/>
- (11) Đồng Nhân dân tệ qua 5 năm cải cách tỷ giá <http://www.ttnn.com.vn/nuoc-lanh-tho/52/tin-tuc/27767/dong-nhan-dan-te-qua-5-nam-cai-cach-ty-gia.aspx>
- (12) Chính sách ngoại thương nửa cuối năm 2010 coi trọng sự ổn định. <http://edu.ebay.cn/tips/201009203689.html>
- (13) Phân tích tình hình thuế và thương mại XNK toàn quốc 3 quý đầu năm 2011. http://gss.mof.gov.cn/zhengwuxinxi/diaocha/ayanjiu/201110/t20111020_601030.html
- (14), (15), (18), (21) Ảnh hưởng khủng hoảng tài chính đến Việt Nam: Được và mất, <http://vneconomy.vn/20081016011018103P0C6/anh-huong-khung-hoang-tai-chinh-den-viet-nam-duoc-va-mat.htm>
- (16) Ngọc Hưởng: *Tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu đến xuất khẩu của Việt Nam, giải pháp thương mại sau khủng hoảng*, <http://wto.nciec.gov.vn/Lists/nh%20gi%20tc%20ng/DispForm.aspx?ID=33>
- (17), (19), (20), (22) Doãn Công Khánh, *Phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc thành hình mẫu của quan hệ hữu nghị và hợp tác trong thế kỷ XXI*, <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&aID=190>
- (23) Hải Vân: *Thương mại Việt Nam – Trung Quốc, Kéo lại cân bằng lợi thế* <http://www.thuongmai.vn/thuong-mai-quoc-te/giao-thuong-quoc-te/53222-thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-keo-lai-can-bang-loi-the.html>

